

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/DS-ST.

Ngày: 30/03/2026

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền
sử dụng đất và Thực hiện nghĩa vụ về
tài sản do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Chánh

Ông Bùi Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2026/TLST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và Thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/01/1960. (Vắng mặt)

Số căn cước công dân, cấp ngày 24/04/2021

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

2/ Ông Phạm Văn S, sinh ngày 01/01/1963 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân, cấp ngày 01/01/1963

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1999 là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 31/12/2025 và ngày 02/02/2026. (Vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn S1, sinh ngày 01/01/1972 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

2/ Ông Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/4/2000 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

3/ Bà Nguyễn Thanh X, sinh ngày 08/6/1997 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

4/ Bà Nguyễn Thị Hồng X1, sinh ngày 02/11/1995 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 31/12/2025, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Nguyên, vào ngày 19/03/2014 âm lịch, vợ chồng ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc Đ có nhận cổ đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn S1 và bà Ngô Thị Kim N, phần đất có diện tích là 02 công tầm cây, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ). Ông S và bà Đ nhận cổ với số vàng là 01 cây vàng 24K, thời hạn cổ là 02 năm. Việc cổ đất có làm giấy tay “ GIẤY CỔ ĐẤT” đề ngày 19/03/2014 âm lịch và có vợ chồng bà N và ông S1 ký tên vào.

Ông S và bà Đ cũng đã giao đủ vàng cho vợ chồng bà N và ông S1 nhưng ông S và bà Đ không có nhận đất canh tác mà cho vợ chồng bà N thuê lại làm với giá mỗi công là 20 dạ lúa khô cho 1 năm (2 công là 40 dạ), tức là mỗi năm vợ chồng bà N sẽ đóng cho ông S và bà Đ 40 dạ lúa. Tuy nhiên sau đó đã hết thời hạn cổ đất là 02 năm thì ông S và bà Đ có yêu cầu vợ chồng bà N chuộc lại đất nhưng vợ chồng bà N nói là chưa có khả năng nên cho vợ chồng bà N tiếp tục thuê đất, khi nào có vàng thì sẽ chuộc lại đất, tuy nhiên sau đó vợ chồng bà N đã không đóng lúa cho ông S và bà Đ như thỏa thuận, nên ông S và bà Đ có nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà N phải trả lại 01 cây vàng cho ông S và bà Đ nhưng vợ chồng bà N cứ hứa hẹn nhiều lần.

Sau đó đến khoảng năm 2023 thì bà Ngô Thị Kim N chết, được biết bà T1 và ông S1 có ba người con gồm anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Thanh X và chị Nguyễn Thị Hồng X1. Nay bà N đã chết nên ông Nguyễn Văn S1 và ba người con của ông S1 và bà N phải có nghĩa vụ trả lại số vàng trên cho ông S và bà Đ.

Vì vậy, nay ông S và bà Đ làm đơn khởi kiện này để yêu cầu Tòa án Nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ giải quyết các vấn đề sau đây:

a/ Ông S và bà Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất vào ngày 19/03/2014 âm lịch giữa ông S và bà Đ với vợ chồng ông Nguyễn Văn S1 và bà Ngô Thị Kim N phần đất có diện tích 02 công tầm cây, đất tọa lạc tại Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ là vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng.

b/ Ông S và bà Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thanh X và bà Nguyễn Thị Hồng X1 cùng có nghĩa vụ trả cho ông S và bà Đ số vàng còn nợ là 01 cây vàng 24K và ông S và bà Đ yêu cầu tính giá vàng theo giá thị trường tại thời điểm xét xử, 01 chỉ vàng 24k có giá là 15.650.000 đồng, 01 cây vàng 24k giá là 156.500.000 đồng.

2/ Các bị đơn ông Nguyễn Văn S1, chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T không có lời trình bày mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt theo quy định.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Còn các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do là chưa chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc Đ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc Đ. Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông S, bà Đ và ông S1, bà N lập ngày 19/03/2014 là vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Văn S1 và bà Ngô Thị Kim N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc Đ số vàng cầm cố quyền sử dụng đất là 10 (mười) chỉ vàng 24k, 01 chỉ giá tại thời điểm xét xử là 15.650.000 đồng, quy ra tiền thời điểm xét xử sơ thẩm là 156.500.000 đồng. Do bà Ngô Thị Kim N đã chết nên những người thừa kế của bà N gồm: chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc Đ số vàng cầm cố quyền sử dụng đất là 10 (mười) chỉ vàng 24k, 01 chỉ giá tại thời điểm xét xử là 15.650.000 đồng, quy ra tiền thời điểm xét xử sơ thẩm là 156.500.000 đồng trong phạm vi di sản bà Ngô Thị Kim N chết để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc Đ khởi kiện các bị đơn ông Nguyễn Văn S1, chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T cùng địa chỉ cư trú tại khu vực M, phường N, thành phố Cần Thơ yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất vô hiệu và trả lại số vàng cố đất, người cố đất là ông Nguyễn Văn S1 và bà Ngô Thị Kim T1 nhưng bà T1 đã chết nên các nguyên đơn yêu cầu những người con của bà T1 cùng chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thay cho bà T1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về việc vắng mặt các đương sự: Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Các bị đơn ông Nguyễn Văn S1, chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố QSD đất giữa ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc Đ với ông Nguyễn Văn S1, bà Ngô Thị Kim N lập ngày 19/03/2014 vô hiệu và buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn S1 cùng các con ông S1 và bà N gồm chị Hồng X1, chị Thanh X và anh T có trách nhiệm liên đới trả cho ông S, bà Đ 10 chỉ vàng 24k, giá 01 chỉ vàng 15.650.000 đồng là 156.500.000 đồng. Các bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông S và bà Đ đã cung cấp cho Tòa án bản chính “Giấy cố đất lập ngày 19/03/2014” có nội dung thể hiện “*Tôi tên Ngô Thị Kim N sinh năm 1972 ở ấp mĩ T2, xã mĩ Q, huyện ngã năm Tỉnh Sóc Trăng hôm nay ngày 19-3-2014 Â. Tôi có cố 2 công đất cho anh chị năm S ở cùng ấp là 1 cây vàng với thời hạn là hai năm. Khi anh chị 5 S trồng vàng thì anh chị 5 S cho tôi mượn lại đất để tôi làm, với giá 1 công 20 dạ lúa khô cho 1 năm <2 công 40 dạ> đúng 1 năm anh chị 5 mới lấy lúa 1 lần. Vậy tôi làm giấy này cho anh chị 5 cầm để làm bằng chứng. Sau hai năm tôi sẽ chuộc lại. Nếu bên nào sai, thì bên đó sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Hai bên làm giấy ký tên. NGÀY 19-03-2014 Â có chữ ký và họ tên đầy đủ của bà Ngô Thị Kim T1, chữ ký và họ tên đầy đủ của ông Nguyễn Văn S1 dưới mục người làm đơn cố đất ...*”. Nội dung Giấy cố đất này thể hiện vợ chồng bà N và ông S1 có cố đất cho vợ chồng ông S và bà Đ với số vàng 01 cây vàng (10 chỉ vàng) nhưng phần đất cố thì vợ chồng bà N và ông S1 không có giao đất cho vợ chồng ông S và bà Đ vì nhận thuê đất lại canh tác hàng năm. Cho nên Hội đồng xét xử xác định vợ chồng ông S và bà Đ có giao cho vợ chồng bà N và ông S1 số vàng cố đất là 10 chỉ vàng.

[3.2] Năm 2014 bà N và ông S1 cố đất cho ông S và bà Đ thì Luật đất đai năm 2013 đang có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013 quy định người sử dụng đất không có quyền cầm cố QSD đất nên giao dịch cố đất giữa ông S và bà Đ và bà N và ông S1 là vi phạm điều cấm của pháp luật và vô hiệu theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên việc ông S và bà Đ yêu cầu tuyên bố Hợp đồng cầm cố QSD đất vô hiệu giữa ông S và bà Đ với bà N và ông S1 lập ngày 19/03/2014 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về xử lý hậu quả Hợp đồng cầm cố QSD đất vô hiệu: Theo Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Nhưng phần đất cố thì vợ chồng bà N và ông S1 không có giao đất cho vợ chồng ông S và bà Đ nên vợ chồng ông S và bà Đ không cần phải trả đất cố lại cho vợ chồng bà N và ông S1 mà buộc vợ chồng bà N và ông S1 trả lại số vàng cố đất cho vợ chồng ông S và bà Đ là 10 chỉ vàng, Giá vàng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu 01 chỉ vàng 24k là 15.650.000 đồng là phù hợp với giá vàng thị trường tại thời điểm xét xử. Cần buộc vợ chồng ông S1 và bà N trả lại giá trị 10 chỉ vàng 24k tại thời điểm xét xử sơ thẩm quy ra tiền là 10 chỉ vàng x 15.650.000 đồng = 156.500.000 đồng. Nên yêu cầu khởi kiện của ông S và bà Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về nghĩa vụ thực hiện trả vàng cố đất: Nguyên đơn ông S và bà Đ yêu cầu bị đơn ông S1 cùng những người con chung giữa bà N và ông S1 gồm chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T cùng có trách nhiệm liên đới trả 10 chỉ vàng cố đất tương đương giá trị 156.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: ông S và bà Đ cho rằng khoảng năm 2023 bà Ngô Thị Kim N đã chết. Theo biên bản xác minh lập ngày 26/3/2026 thì ông Nguyễn Văn Út N1 là Trưởng ban N2 cung cấp thông tin bà Ngô Thị Kim N là vợ ông Nguyễn Văn S1 cư trú khu vực M hiện nay đã chết. Tại công văn số 24/TLYC-CAP ngày 24/3/2026 của công an nhân dân phường M xác nhận thông tin hộ gia đình ông Nguyễn Văn S1 có ông Nguyễn Văn S1 là chủ hộ và bà Ngô Thị Kim N, sinh năm 1972 là vợ chủ hộ cùng ba người có mối quan hệ con gồm chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T. Khi bà N chết thì những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thay cho bà N trong phạm vi di sản mà bà N chết để lại theo Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cho nên cần buộc ông S1 cùng các con của ông S1 gồm chị Thanh X, chị Hồng X1 và anh T cùng có trách nhiệm liên đới trả 10 chỉ vàng cố đất, giá trị thị trường tại thời điểm xét xử là 156.500.000 đồng trong phạm vi di sản cho bà N chết để lại. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S và bà Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S và bà Đ được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí và nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét. Còn bị đơn ông S1, chị Thanh X, chị Hồng X1, anh T phải liên đới chịu án phí không có giá ngạch về hợp đồng vô hiệu và án phí thực hiện nghĩa vụ đối

với các nguyên đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí các bị đơn phải chịu là 8.125.000 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng các điều 123, 131, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc Đ về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn S1, bà Ngô Thị Kim N lập ngày 19/03/2014 là vô hiệu.

2/ Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn S1, bà Ngô Thị Kim N lập ngày 19/03/2014 là vô hiệu.

3/ Buộc ông Nguyễn Văn S1 cùng chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Ngọc Đ giá trị 10 chỉ vàng 24k có đất tại thời điểm xét xử là 156.500.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng). Đối với chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản bà Ngô Thị Kim N chết để lại.

4/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Ngọc Đ không phải chịu án phí.

+ Ông ông Nguyễn Văn S1 cùng chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T cùng liên đới chịu án phí số tiền 7.825.000 đồng (Bảy triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Đối với chị Nguyễn Thị Hồng X1, chị Nguyễn Thanh X, anh Nguyễn Hoàng T chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản bà Ngô Thị Kim N chết để lại.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

7/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng